**BỆNH VIỆN BẠCH MAI**

**THÔNG BÁO YÊU CẦU BÁO GIÁ**

**Kính gửi:** Các hãng sản xuất, nhà cung cấp tại Việt Nam.

**Bệnh viện Bạch Mai** có nhu cầu tiếp nhận báo giá để tham khảo cho dự toán: Mua sắm giường, cáng bệnh nhân năm 2024 của Bệnh viện Bạch Mai.

Nội dung cụ thể như sau:

**I. Thông tin của đơn vị yêu cầu báo giá:**

1. Đơn vị yêu cầu báo giá: Bệnh viện Bạch Mai.

2. Thông tin liên hệ của người chịu trách nhiệm tiếp nhận báo giá Văn phòng - Bệnh viện Bạch Mai. ĐT: 0243.86886390.

3. Cách thức tiếp nhận báo giá:

- Nhận trực tiếp tại bộ phận Văn thư - Văn phòng Bệnh viện Bạch Mai. Địa chỉ: Bộ phận Văn thư - Văn phòng, Bệnh viện Bạch Mai. Đ/c: Số 78 đường Giải Phóng, phường Phương Mai, quận Đống Đa, TP. Hà Nội.

- Nhận qua email: Vanphongbvbm.vt@bachmai.edu.vn. Hoặc:

- Nhận qua fax: 0243.8691607.

4. Thời hạn tiếp nhận báo giá: Từ ngày 17 tháng 5 năm 2024 đến ngày 27 tháng 5 năm 2024.

***Các báo giá nhận được sau thời điểm nêu trên sẽ không được xem xét.***

5. Thời hạn có hiệu lực của báo giá: Tối thiểu 120ngày kể từ ngày 27 tháng 5 năm 2024.

**II. Nội dung yêu cầu báo giá:**

1. Danh mục trang thiết bị y tế:

| **STT** | **Tên danh mục** **trang thiết bị y tế** | **Mô tả yêu cầu về tính năng, thông số kỹ thuật và các thông tin liên quan về kỹ thuật** | **Đơn vị tính** | **Số lượng** |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| 1 | Cáng vận chuyển bệnh nhân 1 tay quay | Chi tiết như phụ lục 02 đính kèm | cái | 62 |
| 2 | Cáng vận chuyển bệnh nhân 2 tay quay | Chi tiết như phụ lục 02 đính kèm | cái | 23 |
| 3 | Cáng vận chuyển bệnh nhân 3 tay quay | Chi tiết như phụ lục 02 đính kèm | cái | 123 |
| 4 | Giường bệnh nhân 1 tay quay | Chi tiết như phụ lục 02 đính kèm | cái | 1091 |
| 5 | Giường bệnh nhân 2 tay quay | Chi tiết như phụ lục 02 đính kèm | cái | 119 |
| 6 | Giường bệnh nhân 3 tay quay | Chi tiết như phụ lục 02 đính kèm | cái | 533 |
| 7 | Tủ đầu giường | Chi tiết như phụ lục 02 đính kèm | cái | 1563 |
| 8 | Giường bệnh nhân điều khiển điện 3 chức năng | Chi tiết như phụ lục 02 đính kèm | cái | 169 |
| 9 | Giường hồi sức tích cực điều khiển điện | Chi tiết như phụ lục 02 đính kèm | cái | 144 |
| 10 | Giường hồi sức tích cực điều khiển điện kèm cân | Chi tiết như phụ lục 02 đính kèm | cái | 52 |

2. Địa điểm cung cấp hàng hóa: Bệnh viện Bạch Mai. Đ/c: Số 78 đường Giải Phóng, Q. Đống Đa, TP. Hà Nội. Yêu cầu báo giá bao gồm chi phí vận chuyển, bảo hiểm, bảo quản, bảo hành và toàn bộ các loại thuế, phí liên quan.

3. Thời gian giao hàng dự kiến: Giao hàng từng đợt, trong vòng 90 ngày kể từ khi tiếp nhận thông tin yêu cầu của Bệnh viện Bạch Mai.

4. Dự kiến về các điều khoản thanh toán hợp đồng:

- Đồng tiền thanh toán: VND.

- Thanh toán: Dự kiến về các điều khoản tạm ứng, thanh toán hợp đồng:

+ Tạm ứng 30% - 50% giá trị hợp đồng.

+ Thanh toán 100% giá trị hợp đồng trong vòng 90 ngày kể từ khi toàn bộ hàng hóa được bàn giao, hai bên ký biên bản nghiệm thu và nhà thầu chuyển sang nghĩa vụ bảo hành.

- Phương thức thanh toán: chuyển khoản.

5. Thành phần và quy cách hồ sơ báo giá

- Bảng giá: Mẫu số 01

- Bảng đáp ứng yêu cầu mời báo giá: Mẫu số 02

- Tài liệu kỹ thuật có liên quan:

+ Catalogue bản tiếng Anh và Tiếng Việt: 01 bản in

+ Chứng nhận chất lượng ISO 13485 và chứng nhận CE hoặc FDA: 01 bản in.

+ Chứng nhận CFS: 01 bản in.

+ 01 USB chứa nội dung tài liệu kỹ thuật có liên quan.

**PHỤ LỤC 01**

**CÁC BIỂU MẪU HỒ SƠ BÁO GIÁ**

**Mẫu số 01**

*(Kèm theo Yêu cầu báo giá số 2407/BM-VTTTBYT ngày 17 tháng 5 năm 2024)*

**BÁO GIÁ(1)**

**Kính gửi: Bệnh viện Bạch Mai**

Trên cơ sở yêu cầu báo giá của Bệnh viện Bạch Mai, chúng tôi*….[ghi tên, địa chỉ của hãng sản xuất, nhà cung cấp; trường hợp nhiều hãng sản xuất, nhà cung cấp cùng tham gia trong một báo giá (gọi chung là liên danh) thì ghi rõ tên, địa chỉ của các thành viên liên danh]* – Mã số thuế: …….

Báo giá cho các trang thiết bị y tế như sau:

| **STT** | **Danh mục trang thiết bị y tế (2)** | **Tên thương mại** | **Ký, mã, nhãn hiệu, model, (3)** | **Hãng sản xuất** | **Mã HS(4)** | **Năm sản xuất(5)** | **Xuất xứ (6)** | **Số lượng (7)** | **Đơn vị tính** | **Đơn giá(8) (VND)** | **Chi phí cho các dịch vụ liên quan(9)** | **Thuế, phí, lệ phí (nếu có) (10)** |  | **Thành tiền(11)** **(VND)** |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| 1 | Hàng hóa 1 | …….. |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| 2 | Hàng hóa 2 | …….. |   |  |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |
| … | … |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |

1. Giá trên đã bao gồm tất cả các chi phí vận chuyển, bảo hiểm, bảo quản, bảo hành liên quan và các loại thuế, phí theo quy định của pháp luật;

2. Báo giá này có hiệu lực trong vòng:………… ngày kể từ ngày.............. tháng .............năm 2024;

3. Địa điểm cung cấp hàng hóa: Bệnh viện Bạch Mai – số 78 đường Giải Phóng, Đống Đa, Hà Nội.

4. Thời gian giao hàng dự kiến: Giao hàng từng đợt, trong vòng 90 ngày kể từ khi tiếp nhận thông tin yêu cầu của Bệnh viện Bạch Mai.

5. Dự kiến về các điều khoản thanh toán hợp đồng:

- Đồng tiền thanh toán: VNĐ

- Thanh toán: Dự kiến về các điều khoản tạm ứng, thanh toán hợp đồng:

* Tạm ứng 30% - 50% giá trị hợp đồng.
* Thanh toán 100% giá trị hợp đồng trong vòng 90 ngày kể từ khi toàn bộ hàng hóa được bàn giao, hai bên ký biên bản nghiệm thu và nhà thầu chuyển sang nghĩa vụ bảo hành.

- Phương thức thanh toán: chuyển khoản.

6. Chúng tôi cam kết:

- Không đang trong quá trình thực hiện thủ tục giải thể hoặc bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh hoặc các tài liệu tương đương khác; không thuộc trường hợp mất khả năng thanh toán theo quy định của pháp luật về doanh nghiệp.

- Giá trị của các trangthiết bị y tế nêu trong báo giá là phù hợp, không vi phạm quy định của pháp luật về cạnh tranh, bán phá giá.

- Những thông tin nêu trong báo giá là trung thực.

7. Thông tin liên hệ của đơn vị báo giá: *[ghi rõ thông tin người phụ trách làm báo giá]*

 ….., ngày…. tháng….năm….

**Đại diện hợp pháp của hãng sản xuất, nhà cung cấp(12)**

*(Ký tên, đóng dấu (nếu có))*

***Ghi chú:***

 *(1) Hãng sản xuất, nhà cung cấp điền đầy đủ các thông tin để báo giá theo Mẫu này. Trường hợp yêu cầu gửi báo giá trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia, hãng sản xuất, nhà cung cấp đăng nhập vào Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia bằng tài khoản của nhà thầu để gửi báo giá và các tài liệu liên quan cho Chủ đầu tư theo hướng dẫn trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia. Trong trường hợp này, hãng sản xuất, nhà cung cấp không phải ký tên, đóng dấu theo yêu cầu tại ghi chú 12.*

 *(2) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi chủng loại trang thiết bị y tế theo đúng yêu cầu ghi tại cột “Danh mục trang thiết bị y tế” trong Yêu cầu báo giá.*

 *(3) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi cụ thể tên gọi, ký hiệu, mã hiệu, model, hãng sản xuất của trang thiết bị y tế tương ứng với chủng loại trang thiết bị y tế ghi tại cột “Danh mục trang thiết bị y tế”.*

 *(4) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi cụ thể mã HS của từng trang thiết bị y tế.*

 *(5), (6) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi cụ thể năm sản xuất, xuất xứ của trang thiết bị y tế.*

 *(7) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi cụ thể số lượng, khối lượng theo đúng số lượng, khối lượng nêu trong Yêu cầu báo giá.*

 *(8) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi cụ thể giá trị của đơn giá tương ứng với từng trang thiết bị y tế.*

 *(9) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi cụ thể giá trị để thực hiện các dịch vụ liên quan như lắp đặt, vận chuyển, bảo quản cho từng trang thiết bị y tế hoặc toàn bộ trang thiết bị y tế; chỉ tính chi phí cho các dịch vụ liên quan trong nước.*

 *(10) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi cụ thể giá trị thuế, phí, lệ phí (nếu có) cho từng trang thiết bị y tế hoặc toàn bộ trang thiết bị y tế. Đối với các trang thiết bị y tế nhập khẩu, hãng sản xuất, nhà cung cấp phải tính toán các chi phí nhập khẩu, hải quan, bảo hiểm và các chi phí khác ngoài lãnh thổ Việt Nam để phân bổ vào đơn giá của trang thiết bị y tế.*

 *(11) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi giá trị báo giá cho từng trang thiết bị y tế. Giá trị ghi tại cột này được hiểu là toàn bộ chi phí của từng trang thiết bị y tế (bao gồm thuế, phí, lệ phí và dịch vụ liên quan (nếu có)) theo đúng yêu cầu nêu trong Yêu cầu báo giá.*

 *Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi đơn giá, chi phí cho các dịch vụ liên quan, thuế, phí, lệ phí và thành tiền bằng đồng Việt Nam (VND).*

 *(12) Người đại diện theo pháp luật hoặc người được người đại diện theo pháp luật ủy quyền phải ký tên, đóng dấu (nếu có). Trường hợp ủy quyền, phải gửi kèm theo giấy ủy quyền ký báo giá. Trường hợp liên danh tham gia báo giá, đại diện hợp pháp của tất cả các thành viên liên danh phải ký tên, đóng dấu (nếu có) vào báo giá.*

|  |
| --- |
|  **Mẫu số 02***(Kèm theo Báo giá số 2407/BM-VTTTBYT ngày 17 tháng 5 năm 2024)***BẢNG ĐÁP ỨNG YÊU CẦU KỸ THUẬT** |
| **Tên công ty:** |
| **STT** | **Danh mục trang thiết bị y tế (2)** | **Yêu cầu mời chào giá** | **Đáp ứng chào giá** | **Tài liệu tham chiếu (2)** |
| **Ký, Mã hiệu**  | **Hãng, nước SX** | **Thông số kỹ thuật (1)** |
| 1 | Hàng hóa 1 | …….. |  |  |  |  |
| 2 | Hàng hóa 2 | …….. |  |  |  |  |
| …….. | …….. | …….. |  |  |  |  |
| (1) Ghi chính xác thông số kỹ thuật theo đúng thông số của hàng hóa chào giá |
| (2) Chỉ dẫn tài liệu (bản cứng, bản mềm) chứng minh thông số kỹ thuật hàng hóa chào giá |

**PHỤ LỤC 02**

*(Kèm theo Yêu cầu báo giá số 2407/BM-VTTTBYT ngày 17 tháng 5 năm 2024)*

**YÊU CẦU CẤU HÌNH, TÍNH NĂNG KỸ THUẬT**

**GIƯỜNG, CÁNG VẬN CHUYỂN BỆNH NHÂN**

|  |  |
| --- | --- |
|   | **CÁNG VẬN CHUYỂN BỆNH NHÂN 1 TAY QUAY** |
| **I** | **Yêu cầu chung** |
|   | Sản xuất năm 2024 trở về sau, mới 100%. |
|   | Đạt tiêu chuẩn ISO 13485. |
|   | Đạt chứng chỉ CE hoặc JIS hoặc có văn bản công bố tuân thủ CE hoặc có chứng nhận của FDA. |
| **II** | **Yêu cầu cấu hình** |
|   | Khung cáng với 04 bánh xe: 01 bộ |
|   | Thành chắn hai bên: 01 bộ |
|   | Đệm: 01 cái |
|   | Giá đỡ bình oxy: 01 cái |
|   | Cọc truyền: 02 cái |
|   | Tay quay: 01 cái |
|   | Khay chứa đồ: 01 cái |
|  | Dây đai cố định bệnh nhân: 01 cái |
| **III** | **Chỉ tiêu kỹ thuật** |
|   | Khung cáng làm bằng thép không gỉ 304. |
|   | Có khay chứa đồ và giá đỡ bình oxy O2 dung tích tối đa ≥ 5 lít bằng thép không gỉ đặt bên dưới cáng. |
|   | Có thiết kế chống va đập. |
|   | Hệ thống bánh xe: khóa trung tâm hoặc ≥ 2 bánh xe có khóa, có 1 bánh xe điều hướng, có bánh xe chống tĩnh điện. |
|   | Có vị trí gắn cọc truyền. |
|   | Có thể gấp gọn đồng thời 2 cọc truyền khi không sử dụng |
|   | Có móc treo 2 bên thành cáng |
|   | Điều chỉnh góc nâng hạ lưng bằng 1 tay quay. Tay quay có thể xếp gọn khi không sử dụng. |
|   | Thành chắn hai bên có thể xếp gọn, có chốt khóa bằng kim loại dạng lẫy kiểu đòn bẩy. Chốt khóa tự động nhảy lẫy khi thành chắn dựng thẳng. Kéo chốt lên để mở khóa, gập thành chắn xuống. |
|   | Đệm: bằng mút hoặc bông ép, bọc đệm bằng chất liệu chống thấm. |
|   | Kích thước cáng: khoảng 1900 x 750mm (± 5%). |
|   | Chiều cao mặt sàn cáng: khoảng 640mm ± 10%. |
|   | Điều chỉnh góc nâng hạ lưng: từ 0 tới ≥ 65 độ. |
|   | Đường kính bánh xe: ≥ 150mm (6 inch)  |
|   | Độ dày đệm: ≥ 5 cm. |
|   | Tải trọng tối đa (SWL): ≥ 200kg. |
|   | Có tối thiểu 1 CFS thuộc EU hoặc Nhật Bản hoặc Mỹ hoặc Đài Loan (không tính đệm) |
| **IV** | **Yêu cầu khác** |
|   | Thời gian bảo hành: ≥ 12 tháng. |
|   | Thời gian thực hiện Hợp đồng: 12 tháng. |
|   | Địa điểm giao hàng: Tại Bệnh viện Bạch Mai. |
|   | Khi có sự cố xảy ra nhân viên kỹ thuật sẽ có mặt trong vòng ≤ 24 giờ để giải quyết. |
|   | Cam kết cung cấp vật tư tiêu hao, phụ kiện thay thế trong vòng ≥ 8 năm. |
|   | Có giấy ủy quyền hợp pháp của nhà sản xuất cho phép cung cấp thiết bị tại Việt Nam hoặc giấy ủy quyền của đại lí hợp pháp tại Việt Nam. |
|   | Có kế hoạch bảo dưỡng định kỳ trong thời gian bảo hành theo quy định của nhà sản xuất. |
|  |  |
|   | **CÁNG VẬN CHUYỂN BỆNH NHÂN 2 TAY QUAY** |
| **I** | **Yêu cầu chung** |
|   | Sản xuất năm 2024 trở về sau, mới 100%. |
|   | Đạt tiêu chuẩn ISO 13485. |
|   | Đạt chứng chỉ CE hoặc JIS hoặc có văn bản công bố tuân thủ CE hoặc có chứng nhận của FDA. |
| **II** | **Yêu cầu cấu hình** |
|   | Khung cáng với 04 bánh xe: 01 bộ |
|   | Thành chắn hai bên: 01 bộ |
|   | Đệm: 01 cái |
|   | Giá đỡ bình oxy: 01 cái |
|   | Cọc truyền: 02 cái |
|   | Tay quay: 02 cái |
|   | Khay chứa đồ: 01 cái |
|  | Dây đai cố định bệnh nhân: 01 cái |
| **III** | **Chỉ tiêu kỹ thuật** |
|   | Khung cáng làm bằng thép không gỉ 304. |
|   | Có khay chứa đồ và giá đỡ bình oxy O2 dung tích tối đa ≥ 5 lít bằng thép không gỉ đặt bên dưới cáng. |
|   | Có thiết kế chống va đập. |
|   | Hệ thống bánh xe: khóa trung tâm hoặc ≥ 2 bánh xe có khóa, có 1 bánh xe điều hướng, có bánh xe chống tĩnh điện. |
|   | Có vị trí gắn cọc truyền. |
|   | Có thể gấp gọn đồng thời 2 cọc truyền khi không sử dụng |
|   | Có móc treo 2 bên thành cáng |
|   | Điều chỉnh góc nâng hạ gối/đùi, lưng bằng 2 tay quay. Tay quay có thể xếp gọn khi không sử dụng. |
|   | Thành chắn hai bên có thể xếp gọn, có chốt khóa bằng kim loại dạng lẫy kiểu đòn bẩy. Chốt khóa tự động nhảy lẫy khi thành chắn dựng thẳng. Kéo chốt lên để mở khóa, gập thành chắn xuống. |
|   | Đệm: bằng mút hoặc bông ép, bọc đệm bằng chất liệu chống thấm. |
|   | Kích thước cáng: khoảng 1900 x 750mm (± 5%). |
|   | Chiều cao mặt sàn cáng: khoảng 640mm ± 10%. |
|   | Điều chỉnh góc nâng hạ lưng: từ 0 tới ≥ 80 độ. |
|   | Điều chỉnh góc nâng hạ gối: từ 0 tới ≥ 40 độ. |
|   | Đường kính bánh xe: ≥ 150mm (6 inch)  |
|   | Độ dày đệm: ≥ 5 cm. |
|   | Tải trọng tối đa (SWL) : ≥ 200kg. |
|   | Có tối thiểu 1 CFS thuộc EU hoặc Nhật Bản hoặc Mỹ hoặc Đài Loan (không tính đệm) |
| **IV** | **Yêu cầu khác** |
|   | Thời gian bảo hành: ≥ 12 tháng. |
|   | Thời gian thực hiện Hợp đồng: 12 tháng. |
|   | Địa điểm giao hàng: Tại Bệnh viện Bạch Mai. |
|   | Khi có sự cố xảy ra nhân viên kỹ thuật sẽ có mặt trong vòng ≤ 24 giờ để giải quyết. |
|   | Cam kết cung cấp vật tư tiêu hao, phụ kiện thay thế trong vòng ≥ 8 năm. |
|   | Có giấy ủy quyền hợp pháp của nhà sản xuất cho phép cung cấp thiết bị tại Việt Nam hoặc giấy ủy quyền của đại lí hợp pháp tại Việt Nam. |
|   | Có kế hoạch bảo dưỡng định kỳ trong thời gian bảo hành theo quy định của nhà sản xuất. |
|  |  |
|   | **CÁNG VẬN CHUYỂN BỆNH NHÂN 3 TAY QUAY** |
| **I** | **Yêu cầu chung** |
|   | Sản xuất năm 2024 trở về sau, mới 100%. |
|   | Đạt tiêu chuẩn ISO 13485. |
|   | Đạt chứng chỉ CE hoặc JIS hoặc có văn bản công bố tuân thủ CE hoặc có chứng nhận của FDA. |
| **II** | **Yêu cầu cấu hình** |
|   | Khung cáng với 04 bánh xe: 01 bộ |
|   | Thành chắn hai bên: 01 bộ |
|   | Đệm: 01 cái |
|   | Giá đỡ bình oxy: 01 cái |
|   | Cọc truyền: 02 cái |
|   | Tay quay: 03 cái |
|   | Khay chứa đồ: 01 cái |
|  | Dây đai cố định bệnh nhân: 01 cái |
| **III** | **Chỉ tiêu kỹ thuật** |
|   | Khung cáng làm bằng thép không gỉ 304. |
|   | Có khay chứa đồ và giá đỡ bình oxy O2 dung tích tối đa ≥ 5 lít bằng thép không gỉ đặt bên dưới cáng. |
|   | Có thiết kế chống va đập. |
|   | Hệ thống bánh xe: khóa trung tâm hoặc ≥ 2 bánh xe có khóa, có 1 bánh xe điều hướng, có 1 bánh xe chống tĩnh điện. |
|   | Có vị trí gắn cọc truyền. |
|   | Có thể gấp gọn đồng thời 2 cọc truyền khi không sử dụng |
|   | Có móc treo 2 bên thành cáng |
|   | Điều chỉnh chiều cao mặt sàn cáng, góc nâng hạ gối, lưng bằng 3 tay quay. Tay quay có thể xếp gọn khi không sử dụng. |
|   | Thành chắn hai bên có thể xếp gọn, có chốt khóa bằng kim loại dạng lẫy kiểu đòn bẩy. Chốt khóa tự động nhảy lẫy khi thành chắn dựng thẳng. Kéo chốt lên để mở khóa, gập thành chắn xuống. |
|   | Đệm: bằng mút hoặc bông ép, bọc đệm bằng chất liệu chống thấm. |
|   | Kích thước cáng: khoảng 1900 x 750mm (± 5%). |
|   | Điều chỉnh chiều cao mặt sàn cáng: từ ≤ 520 đến ≥ 750 mm. |
|   | Điều chỉnh góc nâng hạ lưng: từ 0 tới ≥ 80 độ. |
|   | Điều chỉnh góc nâng hạ gối: từ 0 tới ≥ 40 độ. |
|   | Đường kính bánh xe: ≥ 150mm (6 inch)  |
|   | Độ dày đệm: ≥ 5 cm. |
|   | Tải trọng tối đa (SWL): ≥ 200kg. |
|   | Có tối thiểu 1 CFS thuộc EU hoặc Nhật Bản hoặc Mỹ hoặc Đài Loan (không tính đệm) |
| **IV** | **Yêu cầu khác** |
|   | Thời gian bảo hành: ≥ 12 tháng |
|   | Thời gian thực hiện Hợp đồng: 12 tháng |
|   | Địa điểm giao hàng: Tại Bệnh viện Bạch Mai |
|   | Khi có sự cố xảy ra nhân viên kỹ thuật sẽ có mặt trong vòng ≤ 24 giờ để giải quyết |
|   | Cam kết cung cấp vật tư tiêu hao, phụ kiện thay thế trong vòng ≥ 8 năm. |
|   | Có giấy ủy quyền hợp pháp của nhà sản xuất cho phép cung cấp thiết bị tại Việt Nam hoặc giấy ủy quyền của đại lí hợp pháp tại Việt Nam |
|   | Có kế hoạch bảo dưỡng định kỳ trong thời gian bảo hành theo quy định của nhà sản xuất |
|  |  |
|   | **GIƯỜNG BỆNH NHÂN 1 TAY QUAY** |
| **I.** | **Yêu cầu chung** |
|  | Sản xuất năm 2024 trở về sau, mới 100% |
|  | Đạt tiêu chuẩn ISO 13485. |
|  | Đạt chứng chỉ CE hoặc JIS hoặc có văn bản công bố tuân thủ CE hoặc có chứng nhận của FDA. |
| **II** | **Yêu cầu cấu hình** |
|  | Khung giường với 04 bánh xe: 01 bộ |
|  | Tấm chắn đầu/cuối giường: 01 bộ |
|  | Thành chắn hai bên: 01 bộ |
|  | Đệm: 01 cái |
|  | Cọc truyền: 01 cái |
|  | Tay quay: 01 cái |
|  | Mặt bàn ăn: 01 cái |
| **III** | **Chỉ tiêu kỹ thuật** |
|  | Khung giường được làm bằng thép sơn tĩnh điện |
|  | Tấm chắn đầu và cuối giường làm bằng nhựa ABS hoặc PP, có thể tháo lắp. |
|  | Thành chắn hai bên có thể xếp gọn, có chốt khóa bằng kim loại dạng lẫy kiểu đòn bẩy. Chốt khóa tự động nhảy lẫy khi thành chắn dựng thẳng. Kéo chốt lên để mở khóa, gập thành chắn xuống. |
|  | Điều chỉnh góc nâng hạ lưng bằng 1 tay quay cuối giường. Tay quay có thể xếp gọn khi không sử dụng. |
|  | Có ≥ 4 vị trí gắn cọc truyền. |
|  | Cọc truyền có thể nâng hạ chiều cao |
|  | Bàn ăn kiểu tấm đỡ, có thể tháo ra và kẹp cuối giường khi không sử dụng |
|  | Có vị trí treo túi dịch ở thành giường. |
|  | Đệm: bằng mút hoặc bông ép, bọc đệm bằng chất liệu chống thấm. |
|  | Hệ thống bánh xe: có khóa trung tâm hoặc ≥ 2 bánh xe có khóa, có bánh xe chống tĩnh điện. |
|  | Kích thước giường: khoảng 2150 x 1000mm (± 5%). |
|  | Chiều cao mặt sàn giường: trong khoảng 430mm tới 480mm. |
|  | Điều chỉnh góc nâng hạ lưng: từ 0 tới ≥ 70 độ. |
|  | Đường kính bánh xe ≥ 125mm (5 inch). |
|  | Độ dày đệm: ≥ 5 cm. |
|  | Tải trọng tối đa (SWL): ≥ 180kg. |
|  | Có tối thiểu 1 CFS thuộc EU hoặc Nhật Bản hoặc Mỹ hoặc Đài Loan (không kèm đệm) |
| **IV** | **Yêu cầu khác** |
|  | Thời gian bảo hành: ≥ 12 tháng. |
|  | Thời gian thực hiện Hợp đồng: 12 tháng. |
|  | Địa điểm giao hàng: Tại Bệnh viện Bạch Mai. |
|  | Khi có sự cố xảy ra nhân viên kỹ thuật sẽ có mặt trong vòng ≤ 24 giờ để giải quyết. |
|  | Cam kết cung cấp vật tư tiêu hao, phụ kiện thay thế trong vòng ≥ 8 năm. |
|  | Có giấy ủy quyền hợp pháp của nhà sản xuất cho phép cung cấp thiết bị tại Việt Nam hoặc giấy ủy quyền của đại lí hợp pháp tại Việt Nam. |
|  | Có kế hoạch bảo dưỡng định kỳ trong thời gian bảo hành theo quy định của nhà sản xuất. |
|  |  |
|   | **GIƯỜNG BỆNH NHÂN 2 TAY QUAY** |
| **I.** | **Yêu cầu chung** |
|  | Sản xuất năm 2024 trở về sau, mới 100%. |
|  | Đạt tiêu chuẩn ISO 13485. |
|  | Đạt chứng chỉ CE hoặc JIS hoặc có văn bản công bố tuân thủ CE hoặc có chứng nhận của FDA. |
| **II** | **Yêu cầu cấu hình** |
|  | Khung giường với 04 bánh xe: 01 bộ |
|  | Tấm chắn đầu/cuối giường: 01 bộ |
|  | Thành chắn hai bên: 01 bộ |
|  | Đệm: 01 cái |
|  | Cọc truyền: 01 cái |
|  | Tay quay: 02 cái |
|  | Bàn ăn: 01 cái |
| **III** | **Chỉ tiêu kỹ thuật** |
|  | Khung giường được làm bằng thép sơn tĩnh điện |
|  | Tấm chắn đầu và cuối giường làm bằng nhựa ABS hoặc PP, có thể tháo lắp. |
|  | Thành chắn hai bên có thể xếp gọn, có chốt khóa bằng kim loại dạng lẫy kiểu đòn bẩy. Chốt khóa tự động nhảy lẫy khi thành chắn dựng thẳng. Kéo chốt lên để mở khóa, gập thành chắn xuống. |
|  | Điều chỉnh góc nâng hạ lưng, gối bằng 2 tay quay cuối giường. Tay quay có thể xếp gọn khi không sử dụng. |
|  | Có ≥ 4 vị trí gắn cọc truyền. |
|  | Cọc truyền có thể nâng hạ chiều cao |
|  | Bàn ăn kiểu tấm đỡ, có thể tháo ra và kẹp cuối giường khi không sử dụng |
|  | Có vị trí treo túi dịch ở thành giường. |
|  | Đệm: bằng mút hoặc bông ép, bọc đệm bằng chất liệu chống thấm. |
|  | Hệ thống bánh xe: có khóa trung tâm hoặc ≥ 2 bánh xe có khóa, có bánh xe chống tĩnh điện. |
|  | Kích thước giường: khoảng 2150 x 1000mm (± 5%). |
|  | Chiều cao mặt sàn giường: trong khoảng 420mm tới 550mm. |
|  | Điều chỉnh góc nâng hạ lưng: từ 0 tới ≥ 70 độ. |
|  | Điều chỉnh góc nâng hạ gối: từ 0 tới ≥ 34 độ. |
|  | Đường kính bánh xe ≥ 125mm (5 inch). |
|  | Độ dày đệm: ≥ 5 cm. |
|  | Tải trọng tối đa (SWL): ≥ 180kg. |
|  | Có tối thiểu 1 CFS thuộc EU hoặc Nhật Bản hoặc Mỹ hoặc Đài Loan (không kèm đệm) |
| **IV** | **Yêu cầu khác** |
|  | Thời gian bảo hành: ≥ 12 tháng. |
|  | Thời gian thực hiện Hợp đồng: 12 tháng. |
|  | Địa điểm giao hàng: Tại Bệnh viện Bạch Mai. |
|  | Khi có sự cố xảy ra nhân viên kỹ thuật sẽ có mặt trong vòng ≤ 24 giờ để giải quyết. |
|  | Cam kết cung cấp vật tư tiêu hao, phụ kiện thay thế trong vòng ≥ 8 năm. |
|  | Có giấy ủy quyền hợp pháp của nhà sản xuất cho phép cung cấp thiết bị tại Việt Nam hoặc giấy ủy quyền của đại lí hợp pháp tại Việt Nam. |
|  | Có kế hoạch bảo dưỡng định kỳ trong thời gian bảo hành theo quy định của nhà sản xuất. |
|  |  |
|   | **GIƯỜNG BỆNH NHÂN 3 TAY QUAY** |
| **I** | **Yêu cầu chung** |
|  | Sản xuất năm 2024 trở về sau, mới 100%. |
|  | Đạt tiêu chuẩn ISO 13485. |
|  | Đạt chứng chỉ CE hoặc JIS hoặc có văn bản công bố tuân thủ CE hoặc có chứng nhận của FDA. |
| **II** | **Yêu cầu cấu hình** |
|  | Khung giường với 04 bánh xe: 01 bộ |
|  | Tấm chắn đầu/cuối giường: 01 bộ |
|  | Thành chắn hai bên: 01 bộ |
|  | Đệm: 01 cái |
|  | Cọc truyền: 01 cái |
|  | Tay quay: 03 cái |
|  | Bàn ăn: 01 cái |
| **III** | **Chỉ tiêu kỹ thuật** |
|  | Khung giường được làm bằng thép sơn tĩnh điện |
|  | Tấm chắn đầu và cuối giường làm bằng nhựa ABS hoặc PP, có thể tháo lắp. |
|  | Thành chắn hai bên có thể xếp gọn, có chốt khóa bằng kim loại dạng lẫy kiểu đòn bẩy. Chốt khóa tự động nhảy lẫy khi thành chắn dựng thẳng. Kéo chốt lên để mở khóa, gập thành chắn xuống. |
|  | Điều chỉnh góc nâng hạ lưng, gối, chiều cao mặt sàn giường bằng 3 tay quay cuối giường. Tay quay có thể xếp gọn khi không sử dụng. |
|  | Có ≥ 4 vị trí gắn cọc truyền. |
|  | Cọc truyền có thể nâng hạ chiều cao |
|  | Bàn ăn kiểu tấm đỡ, có thể tháo ra và kẹp cuối giường khi không sử dụng |
|  | Có vị trí treo túi dịch ở thành giường. |
|  | Đệm: bằng mút hoặc bông ép, bọc đệm bằng chất liệu chống thấm. |
|  | Hệ thống bánh xe: có khóa trung tâm hoặc ≥ 2 bánh xe có khóa, có bánh xe chống tĩnh điện. |
|  | Kích thước giường: khoảng 2150 x 1000mm (± 5%). |
|  | Điều chỉnh chiều cao mặt sàn giường: ≤ 450 đến ≥ 690mm. |
|  | Điều chỉnh góc nâng hạ lưng: từ 0 tới ≥ 70 độ. |
|  | Điều chỉnh góc nâng hạ gối: từ 0 tới ≥ 34 độ. |
|  | Đường kính bánh xe ≥ 125mm (5 inch). |
|  | Độ dày đệm: ≥ 5 cm. |
|  | Tải trọng tối đa (SWL): ≥ 180kg. |
|  | Có tối thiểu 1 CFS thuộc EU hoặc Nhật Bản hoặc Mỹ hoặc Đài Loan (không kèm đệm) |
| **IV** | **Yêu cầu khác** |
|  | Thời gian bảo hành: ≥ 12 tháng. |
|  | Thời gian thực hiện Hợp đồng: 12 tháng. |
|  | Địa điểm giao hàng: Tại Bệnh viện Bạch Mai. |
|  | Khi có sự cố xảy ra nhân viên kỹ thuật sẽ có mặt trong vòng ≤ 24 giờ để giải quyết. |
|  | Cam kết cung cấp vật tư tiêu hao, phụ kiện thay thế trong vòng ≥ 8 năm. |
|  | Có giấy ủy quyền hợp pháp của nhà sản xuất cho phép cung cấp thiết bị tại Việt Nam hoặc giấy ủy quyền của đại lí hợp pháp tại Việt Nam. |
|  | Có kế hoạch bảo dưỡng định kỳ trong thời gian bảo hành theo quy định của nhà sản xuất. |
|  |  |
|  | **GIƯỜNG BỆNH NHÂN ĐIỀU KHIỂN ĐIỆN 3 CHỨC NĂNG** |
| **I.** | **Yêu cầu chung** |
|  | Sản xuất năm 2024 trở về sau, mới 100% |
|  | Điện áp làm việc: 220V/50Hz |
|  | Đạt tiêu chuẩn ISO 13485. |
|  | Đạt chứng chỉ CE hoặc JIS hoặc có văn bản công bố tuân thủ CE hoặc có chứng nhận của FDA. |
| **II** | **Yêu cầu cấu hình** |
|  | **Cấu hình tối thiểu bao gồm:**  |
|  | Khung giường với 04 bánh xe: 01 bộ |
|  | Tấm chắn đầu/cuối giường: 01 bộ |
|  | Thành chắn hai bên: 01 bộ |
|  | Đệm: 01 cái |
|  | Cọc truyền: 01 cái |
|  | Mô tơ/bộ truyền động: 01 hệ thống |
|  | Bộ điều khiển: 01 cái |
| **III** | **Chỉ tiêu kỹ thuật** |
|  | Khung giường được làm bằng thép sơn tĩnh điện hoặc thép phủ epoxy - polyester |
|  | Tấm chắn đầu và cuối giường làm bằng nhựa ABS hoặc PP hoặc PE, có thể tháo lắp  |
|  | Mặt sàn giường gồm ≥ 4 phần, làm bằng nhựa PP hoặc ABS hoặc HPL hoặc thép,  |
|  | Có cơ cấu bảo vệ giường khi va đập |
|  | Thành chắn bằng nhôm hoặc hợp kim nhôm hoặc thép không gỉ hoặc thép phủ sơn hoặc nhựa PP, có thể xếp gọn, có khóa thành chắn |
|  | Điều chỉnh nâng hạ lưng, chân, chiều cao mặt sàn giường bằng động cơ điện/bộ truyền động |
|  | Đưa giường về vị trí CPR bằng 1 thao tác  |
|  |  Có ≥ 4 vị trí gắn cọc truyền. |
|  | Có móc treo túi dịch  |
|  | Đệm: bằng mút hoặc bông ép, bọc đệm bằng chất liệu chống thấm. |
|  | Hệ thống bánh xe có khóa trung tâm hoặc ≥ 2 bánh xe có khóa, có bánh dẫn hướng, có bánh xe chống tĩnh điện |
|  | Kích thước giường: khoảng 2150 x 1000mm (± 5%). |
|  | Điều chỉnh chiều cao mặt sàn giường: ≤ 450 đến ≥ 670mm |
|  | Điều chỉnh góc nâng hạ lưng từ 0 tới ≥ 70 độ  |
|  | Điều chỉnh góc nâng hạ chân từ 0 tới ≥ 35 độ |
|  | Kích thước bánh xe: ≥ 115mm |
|  | Độ dày đệm: ≥ 7 cm. |
|  | Tải trọng tối đa (SWL): ≥ 180kg. |
|  | Có tối thiểu 1 CFS thuộc EU hoặc Nhật Bản hoặc Mỹ hoặc Đài Loan (không kèm đệm) |
| **IV.** | **Yêu cầu khác** |
|  | Thời gian bảo hành: ≥ 12 tháng. |
|  | Thời gian thực hiện Hợp đồng: 12 tháng. |
|  | Địa điểm giao hàng: Tại Bệnh viện Bạch Mai. |
|  | Khi có sự cố xảy ra nhân viên kỹ thuật sẽ có mặt trong vòng ≤ 24 giờ để giải quyết. |
|  | Cam kết cung cấp vật tư tiêu hao, phụ tùng thay thế trong vòng ≥ 10 năm. |
|  | Có giấy ủy quyền hợp pháp của nhà sản xuất cho phép cung cấp thiết bị tại Việt Nam hoặc giấy ủy quyền của đại lí hợp pháp tại Việt Nam. |
|  | Có kế hoạch bảo dưỡng định kỳ trong thời gian bảo hành theo quy định của nhà sản xuất. |
|  |  |
|  | **GIƯỜNG HỒI SỨC TÍCH CỰC ĐIỀU KHIỂN ĐIỆN** |
| **I** | **Yêu cầu chung:** |
|  | Thiết bị mới 100%, được sản xuất từ năm 2024 trở về sau  |
|  | Nhà sản xuất có chứng chỉ ISO 13485 |
|  | Đạt chứng chỉ CE hoặc JIS hoặc có văn bản công bố tuân thủ CE hoặc có chứng nhận của FDA. |
|  | Nguồn điện sử dụng: 220VAC (10%) - 50Hz  |
|  | Môi trường hoạt động:  |
|  | Nhiệt độ tối đa: ≥ 25 độ C  |
|  | Độ ẩm tối đa: ≥ 70% |
| **II** | **Yêu cầu cấu hình:** |
|  | Khung giường chính kèm phụ kiện tiêu chuẩn: 01 bộ |
|  | Thành chắn: 01 bộ |
|  | Tấm chắn đầu/cuối giường: 01 bộ |
|  | Đệm: 01 cái |
|  | Cọc truyền: 01 cái |
|  | Mô tơ điều khiển giường: 01 hệ thống |
|  | Khay đựng phim X quang: 01 cái |
|  | Bảng điều khiển tích hợp trên thành chắn: 04 cái |
|  | Bộ điều khiển cầm tay: 01 bộ |
|  | Ắc quy: 01 bộ |
|  | Tài liệu hướng dẫn sử dụng Anh – Việt: 01 bộ |
| **III** | **Yêu cầu chỉ tiêu kỹ thuật:** |
|  | Khung giường làm bằng thép phủ epoxy hoặc epoxy - polyester hoặc polyester |
|  | Tấm chắn đầu và cuối giường làm bằng nhựa PP hoặc ABS, có thể tháo lắp. |
|  | Thành chắn bằng nhựa PP hoặc PP và ABS, có thể xếp gọn và có chốt khóa, tích hợp bảng điều khiển |
|  | Mặt sàn giường có tối thiểu phần lưng phủ hoặc làm bằng chất liệu HPL (High Pressure Laminate) |
|  | Điều chỉnh góc nâng hạ lưng, gối, chiều cao mặt sàn giường, dốc đầu và đuôi giường (tư thế Trendelenburg và Reverse Trendelenburg) bằng động cơ điện |
|  | Có phím chức năng điều khiển nâng đồng thời đùi và lưng (đầu) (autocontour) |
|  | Có cơ cấu điều khiển giường về vị trí CPR  |
|  | Có phím khóa chức năng điều khiển giường hoặc dừng toàn bộ các chuyển động được điều khiển điện của giường |
|  | Có thiết kế giảm chấn chống va đập ở 4 góc giường. |
|  | Có vị trí chằng dây đai  |
|  | Có bộ phận chỉ thị góc nghiêng của giường |
|  | Phần tựa lưng/đầu giường thấu xạ, tích hợp khay đựng phim X quang |
|  | Có vị trí gắn cọc truyền |
|  | Có vị trí treo túi dịch ở bên dưới thành giường. |
|  | Hệ thống khóa bánh xe: là hệ thống khóa trung tâm, có 3 chức năng: Khóa tất cả các bánh, di chuyển bánh xe tự do và điều hướng |
|  | Ắc quy (pin): loại sạc nhiều lần |
|  | Kích thước giường khoảng: 2150 mm × 1000 mm (±5%) |
|  | Điều chỉnh chiều cao mặt sàn giường: từ ≤ 420 mm đến ≥ 760mm |
|  | Điều chỉnh góc nâng hạ lưng: từ 0 đến ≥ 62°. |
|  | Điều chỉnh góc nâng hạ đùi: từ 0 đến ≥ 25° |
|  | Điều chỉnh dốc đầu/chân: ≤ -14°/ ≥ +14°  |
|  | Đường kính bánh xe: ≥ 150mm |
|  | Chiều cao khoảng trống dưới khung giường: ≥ 150mm |
|  | Tải trọng tối đa (SWL): ≥ 220kg |
|  | Tuân thủ tiêu chuẩn chống nước: tối thiểu IP X4 |
|  | Tuân thủ tiêu chuẩn IEC 60601-1-2 hoặc EN 60601-1-2 |
|  | Tuân thủ tiêu chuẩn IEC 60601 - 2- 52 hoặc EN 60601 - 2- 52  |
|  | Đệm: chuyên dụng cho y tế |
|  | Vỏ bọc đệm: chống thấm |
|  | Độ dày đệm: ≥ 14cm |
|  | Có tối thiểu 1 CFS thuộc EU hoặc Nhật Bản hoặc Mỹ (không kèm đệm) |
| **IV** | **Yêu cầu khác:** |
|  | Thời gian bảo hành: ≥ 12 tháng. |
|  | Thời gian thực hiện Hợp đồng: 12 tháng |
|  | Khi có sự cố xảy ra nhân viên kỹ thuật sẽ có mặt trong vòng ≤ 24 giờ để giải quyết. |
|  | Đào tạo chuyển giao công nghệ: Tại nơi sử dụng. |
|  | Cam kết cung cấp chứng chỉ CO do cơ quan có thẩm quyền cấp và chứng chỉ CQ do nhà sản xuất cấp khi giao hàng. |
|  | Có giấy ủy quyền của nhà sản xuất hoặc đại lý hợp pháp của nhà sản xuất theo quy định hiện hành đối với thiết bị chính. (không bao gồm phụ kiện và vật tư Tiêu hao theo máy). |
|  | Cung cấp tài liệu hướng dẫn sử dụng tiếng Anh và tiếng Việt. |
|  | Yêu cầu nhà thầu báo giá (có giá ổn định, không đổi trong thời hạn tối thiểu 08 năm kể từ khi trúng thầu): Dịch vụ bảo hành bảo dưỡng, linh phụ kiện thay thế |
|  |  |
|  | **GIƯỜNG HỒI SỨC TÍCH CỰC ĐIỀU KHIỂN ĐIỆN KÈM CÂN** |
| **I** | **Yêu cầu chung:** |
|  | Thiết bị mới 100%, được sản xuất từ năm 2024 trở về sau  |
|  | Nhà sản xuất có chứng chỉ ISO 13485 |
|  | Đạt chứng chỉ CE hoặc JIS hoặc có văn bản công bố tuân thủ CE hoặc có chứng nhận của FDA. |
|  | Nguồn điện sử dụng: 220VAC (10%) - 50Hz  |
|  | Môi trường hoạt động:  |
|  | Nhiệt độ tối đa: ≥ 25 độ C  |
|  | Độ ẩm tối đa: ≥ 70% |
| **II** | **Yêu cầu cấu hình:** |
|  | Khung giường chính kèm phụ kiện tiêu chuẩn: 01 bộ |
|  | Thành chắn: 01 bộ |
|  | Tấm chắn đầu/cuối giường: 01 bộ |
|  | Đệm: 01 cái |
|  | Cọc truyền: 01 cái |
|  | Mô tơ điều khiển giường: 01 hệ thống |
|  | Khay đựng phim X quang: 01 cái |
|  | Bảng điều khiển tích hợp trên thành chắn: 04 cái |
|  | Bộ điều khiển cầm tay: 01 bộ |
|  | Màn hình và Bảng điều khiển trung tâm: 01 bộ |
|  | Hệ thống cân bệnh nhân: 01 hệ thống |
|  | Hệ thống báo động phanh hãm: 01 hệ thống |
|  | Hệ thống báo động bệnh nhân rời giường: 01 hệ thống |
|  | Ắc quy: 01 bộ |
|  | Tài liệu hướng dẫn sử dụng Anh – Việt: 01 bộ |
| **III** | **Yêu cầu chỉ tiêu kỹ thuật:** |
|  | Khung giường làm bằng thép phủ epoxy hoặc epoxy - polyester hoặc polyester  |
|  | Tấm chắn đầu và cuối giường làm bằng nhựa ABS hoặc PP, có thể tháo lắp. |
|  | Thành chắn bằng nhựa PP hoặc PP và ABS, có thể xếp gọn và có chốt khóa, tích hợp bảng điều khiển |
|  | Mặt sàn giường có tối thiểu phần lưng phủ hoặc làm bằng chất liệu HPL (High Pressure Laminate) |
|  | Điều chỉnh nâng hạ lưng, gối, chiều cao mặt sàn giường, dốc đầu và đuôi giường (tư thế Trendelenburg và reverse Trendelenburg) bằng động cơ điện |
|  | Có chức năng nâng hạ đồng thời đùi và lưng |
|  | Đưa giường về tư thế hỗ trợ bệnh nhân rời giường bằng 1 nút bấm |
|  | Có chức năng cân bệnh nhân. Có thể thêm hoặc bớt thiết bị mà không ảnh hưởng cân nặng đang hiển thị. Tuân thủ chỉ thị 2014/31/EEC.  |
|  | Có chức năng báo động bệnh nhân rời giường  |
|  | Điều khiển giường về vị trí CPR bằng điện và thủ công |
|  | Có phím khóa chức năng điều khiển giường hoặc dừng toàn bộ các chuyển động được điều khiển điện của giường |
|  | Có thiết kế giảm chấn chống va đập ở 4 góc giường. |
|  | Có bộ phận chỉ thị góc nghiêng của giường |
|  | Phần tựa lưng/đầu giường thấu xạ, tích hợp khay đựng phim X quang |
|  | Có vị trí gắn cọc truyền |
|  | Có vị trí treo túi dịch ở bên dưới thành giường. |
|  | Hệ thống khóa bánh xe: là hệ thống khóa trung tâm, có 3 chức năng: Khóa tất cả các bánh, di chuyển bánh xe tự do và điều hướng,  |
|  | Ắc quy (pin): loại sạc nhiều lần |
|  | Kích thước giường khoảng: 2150 × 1000 mm. (±5%) |
|  | Điều chỉnh chiều cao mặt sàn giường: từ ≤ 450 đến ≥ 790mm |
|  | Điều chỉnh góc nâng hạ lưng: từ 0 đến ≥ 65°. |
|  | Điều chỉnh góc nâng hạ đùi: từ 0 đến ≥ 25° |
|  | Điều chỉnh dốc đầu/chân: ≤ -14°/ ≥ +14°  |
|  | Dải trọng lượng cân: từ ≤ 10 đến ≥ 249 Kg, độ phân giải tối thiểu gồm 2 mức: 500g, 100g.  |
|  | Đường kính bánh xe: ≥ 150mm |
|  | Chiều cao khoảng trống dưới khung giường: ≥ 150mm |
|  | Tải trọng tối đa (SWL): ≥ 250kg |
|  | Tuân thủ tiêu chuẩn chống nước: tối thiểu IPX4  |
|  | Tuân thủ tiêu chuẩn IEC 60601-1-2 hoặc EN 60601-1-2 |
|  | Tuân thủ tiêu chuẩn IEC 60601 - 2- 52 hoặc EN 60601 - 2- 52  |
|  | **Đệm: chuyên dụng cho y tế** |
|  | Vỏ bọc đệm: chống thấm |
|  | Độ dày đệm: ≥ 14cm |
|  | Có tối thiểu 1 CFS thuộc EU hoặc Nhật Bản hoặc Mỹ (không kèm đệm) |
| **IV** | **Yêu cầu khác:** |
|  | Thời gian bảo hành: ≥ 12 tháng. |
|  | Thời gian thực hiện Hợp đồng: ≤ 150 ngày. |
|  | Khi có sự cố xảy ra nhân viên kỹ thuật sẽ có mặt trong vòng ≤ 24 giờ để giải quyết. |
|  | Đào tạo chuyển giao công nghệ: Tại nơi sử dụng. |
|  | Cam kết cung cấp chứng chỉ CO do cơ quan có thẩm quyền cấp và chứng chỉ CQ do nhà sản xuất cấp khi giao hàng. |
|  | Có giấy ủy quyền của nhà sản xuất hoặc đại lý hợp pháp của nhà sản xuất theo quy định hiện hành đối với thiết bị chính. (không bao gồm phụ kiện và vật tư Tiêu hao theo máy). |
|  | Cung cấp tài liệu hướng dẫn sử dụng tiếng Anh và tiếng Việt. |
|  | Yêu cầu nhà thầu báo giá (có giá ổn định, không đổi trong thời hạn tối thiểu 08 năm kể từ khi trúng thầu): Dịch vụ bảo hành bảo dưỡng, linh phụ kiện thay thế. |
|  |  |
|   | **TỦ ĐẦU GIƯỜNG** |
|   | **CẤU HÌNH MỜI CHÀO GIÁ** |
| **I** | **Yêu cầu chung** |
|  | Sản xuất năm 2024 trở về sau, mới 100%. |
|  | Đạt tiêu chuẩn ISO 13485. |
|  | Đạt chứng chỉ CE hoặc có văn bản công bố tuân thủ CE hoặc đạt chứng nhận của FDA. |
| **II** | **Yêu cầu cấu hình** |
|  | Tủ đầu giường với 4 bánh xe: 01 bộ |
|  | Kệ/mặt bàn ăn mở rộng: 01 cái |
|  | Ngăn kéo tủ: 01 cái |
|  | Giá treo khăn: 02 cái |
| **III** | **Chỉ tiêu kỹ thuật** |
|   | Kích thước: ≥ Dài 460 × Rộng 460 × Cao 750 mm |
|   | Vật liệu: nhựa ABS  |
|   | Tấm ốp nóc tủ làm bằng nhựa ABS |
|   | Có giá treo khăn ở 2 bên cạnh tủ |
|   | Có ngăn kéo ngoài hộc tủ. |
|   | Có tấm đỡ/mặt bàn ăn có thể kéo ra và thu gọn |
|   | Bên trong hộc tủ có ≥ 2 ngăn để đồ. |
| **IV** | **Yêu cầu khác** |
|   | Thời gian bảo hành: ≥ 12 tháng. |
|   | Thời gian thực hiện Hợp đồng: 12 tháng. |
|   | Địa điểm giao hàng: Tại Bệnh viện Bạch Mai. |
|   | Khi có sự cố xảy ra nhân viên kỹ thuật sẽ có mặt trong vòng ≤ 24 giờ để giải quyết. |
|   | Cam kết cung cấp vật tư tiêu hao, phụ kiện thay thế trong vòng ≥ 8 năm. |